TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 623/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đỗ Thị A
2/ Bà Nguyễn Thị Thu Cúc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 492/2018/TLST-HNGĐ, ngày 30/7/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng T (có mặt).
Thường trú: Số nhà A đường H, Phường Z, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Văn H (xin vắng mặt).
Địa chỉ: số nhà A đường H, Phường Z, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2018 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông ông Phạm Văn H quen biết và tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 81, quyển số 01 ngày 17/9/2004 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông H hay nhậu say, đánh vợ con, hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay Bà T nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Con chung: Có hai con chung tên Phạm Gia V sinh năm 2004, Phạm Nguyễn Gia U sinh năm 2010. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có

* Ông Phạm Văn H trình bày trong bản tự khai ngày 21/8/2018, đồng ý ly hôn với Bà T, đồng ý để Bà T nuôi hai con chung tên Phạm Gia V sinh năm 2004, Phạm Nguyễn Gia U sinh năm 2010.

Cấp dưỡng nuôi con: Ông H đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con cho đến khi trẻ đủ tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn, yêu cầu được nuôi con, yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mộng T yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn ông Phạm Văn H cư ngụ tại Quận 10 nên căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Văn H: Ngày 21/8/2018 ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Văn H

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/9/2004, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Phạm Văn H là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Bà T và ông H chung sống không có hạnh phúc, ông H hay nhậu say, đánh đập vợ con. Bà T và ông H đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Ông H có lời khai đồng ý ly hôn với Bà T và yêu cầu vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án. Mặt khác, hiện nay hai người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Ông H biết tin Bà T gửi đơn ly hôn nhưng xin vắng mặt, là không còn níu kéo cuộc hôn nhân này. Qua đó cho thấy cuộc chung giữa Bà T, ông H là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T có yêu cầu xin ly hôn ông H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu nuôi con chung:

Bà T, ông H có hai con chung tên Phạm Gia V, sinh năm 2004, Phạm Nguyễn Gia U, sinh năm 2010, Bà T yêu cầu được nuôi hai trẻ. Trong đơn trình bày nguyện vọng, hai trẻ cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác ông H cũng đồng ý để Bà T trực tiếp nuôi hai con. Việc để Bà T trực tiếp nuôi dưỡng

hai trẻ là tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tâm sinh lý của trẻ, nên việc giao con chung cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000 đồng, cho đến khi hai trẻ đủ tuổi trưởng thành.

Xét, cấp dưỡng là yêu cầu chính đáng cho cuộc sống của trẻ, số tiền 5.000.000 đồng cũng không phải là quá lớn vượt quá khả năng chu cấp của ông H. Mặt khác theo quy định tại Điều 107 Luật Hôn nhân và Gia đình thì nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác và trong bản tự khai ông H cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con nhưng không nêu rõ số tiền, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà T, buộc ông Phạm Văn H cấp dưỡng nuôi hai con Phạm Gia V, Phạm Nguyễn Gia U mỗi tháng 5.000.000 đồng, cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn, theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và Gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Theo đó ông H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với Bà T, ông H được quyền thăm con mà không ai được cản trở nhưng ông Hòa cũng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoạc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của Bà T.

Theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Theo đó Bà T có quyền yêu cầu ông H và người nhà ông H tôn trọng quyền nuôi con của mình nhưng Bà T và người nhà Bà T cũng không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình thì trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cà nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyế định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định tại Điều 85 Luật hôn nhân và Gia đình thì cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên trong các trường hợp sau, bị kết án về một trong các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con với lỗi vô ý hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Phá tán tài sản của con; Có lối sống đồi trụy; Xúi

giục con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội. Theo đó Bà T, ông H sẽ bị hạn chế quyền đối với con khi vi phạm những trường hợp vừa nêu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, nên Tòa án không giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu theo quy định pháp luật.

Ông Phạm Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83, 84, 85, 107, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 5, 6 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn với ông Phạm Văn H.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Gia V, sinh năm 2004, Phạm Nguyễn Gia U, sinh năm 2010 cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Phạm Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con Phạm Gia V, Phạm Nguyễn Gia U, mỗi tháng 5.000.000 đồng, cho đến khi trẻ đủ tuổi trưởng thành. Bắt đầu thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Phạm Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu, Bà T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên

lai số 0016072 ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Ông Phạm Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND P. 1, Q.10 (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nhân